TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 01-03-2023
V/v " ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bạn và bà Vũ Thị Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Thủy- Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương *tham gia phiên toà:* Bà Vũ Thị Lệ- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 207/2022/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc *" ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXX-ST ngày 17 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01-02-2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993

Nơi ĐKHKTT: Khu dân cư Bến Tắm, phường Hoàng Tân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Nơi ở hiện nay: Thôn Hữu Bằng, xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu dân Bến Tắm, phường Hoàng Tân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

(Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10-10-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N được

tự do tìm hiểu có đăng kí kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Hoàng Tân vào ngày 25-12-2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại Bến Tắm, phường Hoàng Tân, thành phố Chí Linh. Vợ chồng chung sống hoà Tận hạnh phúc đến tháng 8-2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu Thuẫn là do vợ chồng bất đồng về tính cách, quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Đặc biệt là về kinh tế. Anh N đi làm T nhập bao nhiêu không tích luỹ riêng của vợ chồng mà đưa hết cho mẹ chồng giữ. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, trong lúc mâu Tẫn anh N còn đánh, vứt hết đồ đạc của chị và đuổi ra khỏi nhà. Lúc đó chị mới sinh con được 8 tháng. Sau đó chị về nhà bố mẹ đẻ sống ở thôn Hữu Bằng, xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Thời gian chị về nhà bố mẹ đẻ sống anh N và gia đình có đến gặp bố mẹ chị nói chuyện. Gia đình động viên chị về đoàn tụ. Sau đó chị suy nghĩ về con chung nên chị đã về tiếp tục sinh sống cùng anh N. Đến năm 2019 chị đã nộp đơn xin ly hôn anh N tại Toà án nhân dân thành phố Chí Linh sau đó lại rút đơn về. Tháng 7-2022 vợ chồng tiếp tục mâu Tẫn. Vợ chồng chung sống vẫn ngày một căng thẳng hơn. Nguyên nhân mâu Tẫn là do chị đi làm Spa anh N ghen tuông nghi ngờ chị ngoại tình. Chị đã nhiều lần giải thích nhưng anh không nghe. Anh còn chửi bới xúc phạm chị trước mặt mẹ chồng. Chị về nhà bố mẹ đẻ ở, anh N có đến nói động viên về đoàn tụ nhưng chị không về. Chị về thăm hai con thì chồng và mẹ chồng xua đuổi nói lời thiếu tôn trọng. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 7-2022 đến nay. Anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị có liên lạc với anh để hỏi thăm con nhưng anh không nghe máy, không trả lời tin nhắn. Nhiều lần chị đến thăm con mẹ chồng đã khoá cổng không cho vào gặp cháu. Anh N cũng không tìm đến và níu kéo chị nữa. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu Tẫn không thể hàn gắn đoàn tụ được. Chị đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn anh N.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 30-8-2018 và Nguyễn Gia K, sinh ngày 22-6-2020. Hiện nay cả hai cháu đều đang ở với anh N. Nay vợ chồng chị ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên sau đó chị thay đổi quan điểm chị giao cháu Nguyễn Gia H cho anh N nuôi dưỡng. Chị nuôi dưỡng cháu Gia K. Hiện nay chị làm Spa, T nhập hàng tháng ổn định là 9.000.000 đồng. Chị ở cùng bố mẹ đẻ nên được ông bà hỗ trợ về việc chăm sóc con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án có gửi thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án án ra xét xử, Quyết định hoãn

phiên tòa cho anh N là bị đơn qua gia đình. Tuy nhiên gia đình anh N không nhận văn bản. Toà án đã tiến hành niêm yết các tài liệu trên theo quy định của pháp luật. Anh N không đến Toà án làm việc. Qua làm việc với bà Trần Thị Bến là mẹ đẻ của anh N trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn N. Chị T là con dâu. Năm 2017 anh N và chị T kết hôn với nhau. Hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Sau khi kết hôn anh chị sống chung cùng vợ chồng ông bà tại địa phương. Quá trình chung sống anh N và chị T có xảy ra mâu Tẫn. Nguyên nhân anh chị mâu Tẫn là gì bà không nắm được. Chị T đã bỏ nhà đi khoảng 5 tháng nay không nói gì với ông bà và anh N. Khi đó cháu Huy mới được 8 tháng. Sau 5 tháng chị T quay về xin lỗi anh N và vợ chồng chung sống đến thời gian gần đây khoảng vài tháng anh chị tiếp tục xảy ra mâu Tẫn. Anh chị xảy ra cãi nhau lý do là chị T có người đàn ông khác. Sau đó chị T lại tự ý bỏ nhà đi không nói năng gì với ai.

Quá trình chị T chung sống cùng anh N chị không đóng góp một đồng nào. Mọi chi phí sinh hoạt và nuôi con đều do một mình anh N lo. Chị T coi nhà như cái chợ, thích đi thì đi thích về thì về.

Hiện nay chị T đang ở đâu bà không biết. Chị T xin ly hôn anh N bà không có ý kiến gì vì nếu bà có ý kiến cũng không thể níu kéo anh N chị T về chung sống với nhau.

Anh chị có 02 con chung, hiện nay các cháu đều đang ở với anh N và bà từ trước đến nay. Bà vẫn luôn hỗ trợ anh chị chăm sóc đưa đón các cháu. Từ khi chị T và anh N sống ly thân bà là người trực tiếp chăm sóc các cháu. Anh N đi làm xa nhà, thỉnh thoảng mới về nhà. Hàng tháng anh N cẫn đưa tiền cho bà để nuôi hai con. Cháu Huy đang học ở trường mầm non Hoàng Tân. Cháu Khôi còn nhỏ chưa đi học. Nếu anh N chị T ly hôn quan điểm của bà đề nghị giao cả hai cháu cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà sẽ đảm bảo hỗ trợ anh N đưa đón, chăm sóc các cháu. Anh N và chị T không có tài sản chung. Toà án nhờ bà tống đạt các văn bản tài liệu cho anh N bà không nhận vì bà không liên quan.

Tại phiên tòa chị T vắng mặt vắng mặt chị vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại quá trình giải quyết. Anh N vắng mặt tại phiên toà.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều

70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Gia Huy, sinh ngày 20-8-2018 cho anh Nguyễn Văn N được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Giao con chung là Nguyễn Gia Khôi, sinh ngày 22-6-2020 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng thời gian kể từ tháng 3-2023 cho đến khi khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh N, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng : Chị Nguyễn Thị T yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Văn N có đăng kí hộ khẩu thường trú tại khu dân cư khu dân cư Bến Tắm, phường Hoàng Tân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên Tộc thẩm quyền gii quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 mà vắng mặt. Chị Nguyễn Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh N.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn N được tự nguyện tìm hiểu có đăng kí kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Hoàng Tân vào ngày 25-12-2017 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Chị T xác định vợ chồng sống ly

thân từ tháng 7-2022 đến nay. Xác minh tại gia đình và địa phương đều thể hiện anh chị hiện nay sống ly thân không còn quan hệ cả về tình cảm và kinh tế. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng không thành. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị T xử cho chị được ly hôn anh N là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Gia Huy, sinh ngày 30-8-2018 và Nguyễn Gia K, sinh ngày 22-6-2020. Hiện nay các cháu đều đang ở cùng với anh N và ông bà nội. Chị T có nguyện vọng được giao con cho mỗi người nuôi một cháu. Xét nguyện vọng của chị là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận giao con chung là Nguyễn Gia H cho anh Nguyễn Văn N được trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Nguyễn Gia Khôi cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ tháng 3-2023 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên đặt ra việc giải quyết. Toà án không tiến hành lấy lời khai được của anh N, nếu trường hợp anh có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1,2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2.Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 30-8-2018 cho anh Nguyễn Văn N được tiếp tục nuôi dưỡng. Giao con chung là Nguyễn Gia K, sinh ngày 22-6-2020 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời giao nuôi con kể từ tháng 3-2023 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị T và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn N có quyền N vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4.Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai T tiền số AA/2020/0003136 ngày 28-10-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh. Chị T đã nộp đủ.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-VKSND thành phố Chí Linh;
- Đương sự;
- UBND phường Hoàng Tân;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nguyệt